

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2023/DS-PT

Ngày: 23-6-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp yêu cầu đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân, bà Trương Thị Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 20 và 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp yêu cầu đòi lại tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 147/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1985, cư trú tại: xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị Ngọc P: Chị Võ Hương D, sinh năm 1993, cư trú tại: Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Hoài P1, sinh năm 1979, cư trú tại: Phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Hoài P1: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961, cư trú tại: phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Kiều Thị Thúy D1, sinh năm 1978, cư trú tại: Phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Anh Trần Hoài P1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc P và người đại diện theo ủy quyền của chị P là chị Võ Hương D trình bày:*

Chị Võ Thị Ngọc P và anh Trần Hoài P1 có quen biết nhau.

Vào ngày 29-4-2021 chị P cho anh P1 vay 235.000.000 đồng, có ghi “Giấy nợ”, không thỏa thuận lãi suất, ghi ngày trả là ngày 18-12-2021.

Anh P1 không trả nợ theo thỏa thuận nên chị P khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc 235.000.000 đồng và tiền lãi, tính từ ngày 19-12-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất pháp luật quy định là 10%/năm, chị P giảm tiền lãi cho anh P1 nên chỉ tính 15.000.000 đồng, tổng cộng yêu cầu trả 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

- *Bị đơn anh Trần Hoài P1 và người đại diện theo ủy quyền của anh P1 là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Chấp nhận trả cho chị P 235.000.000 đồng theo “Giấy nợ” ghi ngày 29-4-2021 nhưng anh P1 phản tố yêu cầu chị P trả các khoản tiền đã nợ anh P1 tổng cộng 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng, cụ thể như sau:

+ Khoản tiền thứ nhất:

Anh P1 và chị P cho vay qua lại nhiều lần, ghi nhiều giấy nợ, đến ngày 29-4-2021, hai bên thanh toán với nhau, anh P1 nợ chị P 235.000.000 đồng tiền đồ đất san lấp mặt bằng, chị P nợ P1 1.500.000.000 đồng. Hai bên lập “Giấy trả nợ” ghi ngày 29-4-2021, nội dung: *Chị P đã hoàn trả hết các phần nợ trước đây đã mượn của anh P1, những giấy nợ trước ngày 29-4-2021 đã hết hiệu lực.*

Thực tế thì không có việc chị P trả hết các phần nợ trước mà thỏa thuận giao cho anh P1 02 phần đất để trừ nợ, gồm: 03 thửa đất lúa tọa lạc tại: Ấp Thanh Bình, xã An Bình, huyện CT, tỉnh Tây Ninh, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05748 ngày 21-10-2020, do anh P1 và vợ là chị Kiều Thị Thúy D1 đứng tên; 03 thửa đất lúa tọa lạc tại: Ấp Thanh Bình, xã An Bình, huyện CT, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS05668 ngày 22-9-2020, do anh P1, chị D1 đứng tên, có lập “Giấy thỏa thuận” cùng ngày với “Giấy trả nợ” ngày 29-4-2021 nhưng ghi nhầm năm 2020. Tại thời điểm thỏa thuận, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên chị P đang thế chấp Ngân hàng để vay tiền, chị P cam kết giải chấp, sang tên đất cho anh P1 để trừ số nợ 1.500.000.000 đồng. Tuy trong “Giấy thỏa thuận” không ghi giao đất trừ nợ

nhưng có ghi nội dung “*Hai thửa đất trên tôi xin bàn giao, mua bán lại cho anh P1*”. Chị P không thực hiện theo thỏa thuận. Sau khi xóa thế chấp, chị P đã làm thủ tục chuyển nhượng đất cho người khác vào ngày 18-12-2021 nên số tiền 1.500.000.000 đồng chị P vẫn còn nợ anh P1.

+ Khoản tiền thứ hai: Anh P1 và chị D1 chuyển nhượng cho chị P 02 thửa đất số 329 và 330, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại: Khu phố 5, Phường 1, thành phố TN, với giá 2.700.000.000 đồng, đã sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị P nhưng chị P không trả tiền, anh P1 đòi thì chị P trả lại thửa đất số 329 trị giá 1.900.000.000 đồng nên chị P còn nợ anh P1 800.000.000 đồng giá trị của thửa đất số 330.

+ Khoản tiền thứ ba: Sau khi thỏa thuận thanh toán các khoản tiền với nhau vào ngày 29-4-2021 chị P vay của anh P1 200.000.000 đồng, có lập “Giấy cam kết” chị P ký tên, không ghi ngày tháng. Chị P cho rằng “Giấy cam kết” này lập trước ngày 29-4-2021 là không có căn cứ.

- *Chị Võ Hướng D trình bày ý kiến của chị Võ Thị Ngọc P đối với yêu cầu phản tố của anh Trần Hoài P1:*

Không có việc giao đất trừ 1.500.000.000 đồng tiền nợ, “Giấy thỏa thuận” ngày 29-4-2021 không có nội dung nào ghi chị P nợ anh P1 1.500.000.000 đồng, giao đất trừ nợ mà chỉ thể hiện việc chị P hứa bán đất cho anh P1 sau khi xóa thế chấp tại Ngân hàng.

Không có việc anh P1 chuyển nhượng đất cho chị P mà chị P không trả tiền và trả lại 01 thửa như anh P1 trình bày. Thực tế anh P1 có chuyển nhượng cho chị P thửa đất 330, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại: Khu phố 5, Phường 1, thành phố TN, đã trả tiền xong và chị P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10-11-2020.

Vì vậy trong “Giấy trả nợ” ngày 29-4-2021 ghi là: “*Chị P đã hoàn trả hết các phần nợ trước đây đã mượn của anh P1, những giấy nợ trước ngày 29-4-2021 đã hết hiệu lực*”.

Anh P1 không có chứng cứ chứng minh “Giấy cam kết” không ghi ngày tháng năm, chị P ký tên được lập sau ngày 29-4-2021; trong Bản tự khai ngày 10-11-2022 anh P1 khai: “*Vào ngày 29-4-2021, hai bên tiến hành thanh toán và chốt nợ....lập 03 giấy tờ sau đây...*” câu này có nghĩa là 03 giấy tờ gồm: Giấy thỏa thuận, giấy trả nợ và giấy nợ, không có giấy cam kết. Thực tế anh P1 còn nợ chị P 235.000.000 đồng thì không có lý nào anh P1 lại cho chị P vay 200.000.000 đồng.

Chị P không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của anh P1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Kiều Thị Thúy D1 có bản tự khai như sau:*

Chị là vợ anh Trần Hoài P1, trong các giao dịch giữa anh P1 và chị Võ Thị Ngọc P, chị chỉ biết việc chuyển nhượng đất, các khoản tiền vay chị không biết.

- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với anh Trần Hoài P1.

Buộc anh Trần Hoài P1 trả cho chị Võ Thị Ngọc P số tiền nợ gốc 235.000.000 đồng, tiền lãi 15.000.000 đồng, tổng cộng là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trần Hoài P1 đối với số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng về việc đòi lại tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Võ Thị Ngọc P.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Ngày 28-02-2023, anh Trần Hoài P1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố, buộc chị P trả cho anh số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng.

- Ngày 20-6-2023, anh Trần Hoài P1 rút một phần yêu cầu phản tố đối với số tiền 1.500.000.000 đồng chị P không giao đất trừ nợ theo “Giấy thỏa thuận” ngày 29-4-2021 và 800.000.000 đồng tiền chuyển nhượng thửa đất 330, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại: Khu phố 5, Phường 1, thành phố TN chị P chưa trả.

Ngày 21-6-2023, chị Võ Hương D là người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị Ngọc P có văn bản trình bày ý kiến, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu phản tố của anh Trần Hoài P1. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh P1 đối với số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hoài P1 đối với số tiền 200.000.000 đồng theo “Giấy cam kết” không ghi ngày tháng năm, chị Võ Thị Ngọc P ký tên; rút một phần yêu cầu phản tố của anh Trần Hoài P1 đối với số tiền 1.500.000.000 đồng chị Võ Thị Ngọc P không giao đất trừ nợ theo “Giấy thỏa thuận” ngày 29-4-2021 và 800.000.000 đồng tiền chuyển nhượng thửa đất 330, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại: Khu phố 5, Phường 1, thành phố TN.

- Ý kiến của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố anh Trần Hoài P1 đã rút; chấp nhận kháng cáo của anh Trần Hoài P1 về việc đòi chị Võ Thị Ngọc P trả 200.000.000 đồng theo “Giấy cam kết” không ghi ngày tháng năm, chị Võ Thị Ngọc P ký tên; giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc P đối với anh Trần Hoài P1 về số tiền nợ gốc và nợ lãi 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng theo “Giấy nợ” ghi ngày 29-4-2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Chị Võ Thị Ngọc P vắng mặt có ủy quyền cho chị Võ Hương D; chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Trần Hoài P1 rút một phần yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc P về số tiền 1.500.000.000 đồng chị P không giao đất trừ nợ theo “Giấy thỏa thuận” ngày 29-4-2021 và 800.000.000 đồng tiền chuyển nhượng thửa đất 330, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại: Khu phố 5, Phường 1, thành phố TN chị P chưa trả. Người đại diện theo ủy quyền của chị P đồng ý việc rút một phần yêu cầu phản tố của anh P1. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận việc rút một phần yêu cầu phản tố của anh P1, hủy một phần bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của anh P1 về việc đòi số tiền 200.000.000 đồng theo “Giấy cam kết” không ghi ngày tháng năm, chị P ký tên vay, thấy rằng:

“Giấy cam kết” anh P1 cung cấp là bản chính, nội dung thể hiện chị P vay của anh P1 200.000.000 đồng, chị D thừa nhận đúng là chữ ký của chị P.

Chị P cho rằng “Giấy cam kết” có trước ngày 29-4-2021 nên trong “Giấy trả nợ” ghi: “Chị P đã hoàn trả hết các phần nợ trước đây đã mượn của anh P1, những giấy nợ trước ngày 29-4-2021 đã hết hiệu lực” nhưng chị P không có chứng cứ chứng minh.

Cùng ngày 29-4-2021, chị P và anh P1 lập 03 giấy tay, gồm: “Giấy thỏa thuận”, “Giấy trả nợ” và “Giấy nợ”, hoàn toàn không có nội dung nào đề cập đến số tiền 200.000.000 đồng theo “Giấy cam kết”; chị P cũng không chứng minh được các phần nợ chị P đã trả cho anh P1 là nợ gì, số tiền bao nhiêu và trả

như thế nào, trong đó có bao gồm số tiền 200.000.000 đồng này không nên không có căn cứ xác định chị P đã trả.

Chị P cho rằng, sau ngày 29-4-2021 anh P1 còn nợ chị P 235.000.000 đồng nên không có việc chị P nợ anh P1 200.000.000 đồng là không có căn cứ, bởi vì: Giữa anh P1 và chị P thực hiện với nhau nhiều giao dịch dân sự, khi thì chị P nợ, khi thì anh P1 nợ. “Giấy cam kết” không ghi ngày tháng năm, chị P không chứng minh được đã trả và không chứng minh được giấy này lập trước ngày 29-4-2021 nên không *hết hiệu lực* như đã ghi trong “Giấy trả nợ” ngày 29-4-2021, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh P1 là không có căn cứ.

[4] Đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh P1, sửa bản án sơ thẩm, buộc chị P phải trả cho anh P1 200.000.000 đồng đã nợ theo “Giấy cam kết” không ghi ngày tháng năm, được trừ vào số tiền 250.000.000 đồng anh P1 phải trả cho chị P theo “Giấy nợ” ghi ngày 29-4-2021, số tiền còn lại anh P1 phải trả cho chị P là 50.000.000 đồng.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đưa chị Kiều Thị Thúy D1 là vợ anh P1 vào tham gia tố tụng trong vụ án; chị D1 không tranh chấp, không yêu cầu gì về số tiền vay giữa chị P và anh P1; chị P và anh P1 không yêu cầu chị D1 chịu trách nhiệm liên đới với anh P1 nhưng không ghi nhận vào bản án là thiếu sót, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần phải bổ sung.

[7] Do bản án sơ thẩm quyết định về số tiền án phí anh P1 phải chịu không đúng và do sửa bản án sơ thẩm nên phải sửa phần án phí sơ thẩm, như sau:

+ Chị P phải chịu đối với yêu cầu phản tố của anh P1 được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể là: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 (mười triệu) đồng.

+ Anh P1 phải chịu, gồm:

Án phí đối với yêu cầu khởi kiện của chị P được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, cụ thể là 250.000.000 đồng x 5% = 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Án phí đối với yêu cầu phản tố đòi số tiền 2.300.000.000 đồng (1.500.000.000 đồng + 800.000.000 đồng) đã rút tại phiên tòa phúc thẩm, theo quy định điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể là

72.000.000 đồng + 2% phần vượt quá 2.000.000.000 đồng = 72.000.000 đồng + 6.000.000 đồng = 78.000.000 (bảy mươi tám triệu) đồng.

Tổng số tiền án phí sơ thẩm anh P1 phải chịu là 90.500.000 (chín mươi triệu năm trăm nghìn) đồng (12.500.000 đồng + 78.000.000 đồng).

[8] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 anh P1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, điểm b khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2, khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Hủy một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, đình chỉ giải quyết phần yêu cầu phản tố của anh Trần Hoài P1 đối với chị Võ Thị Ngọc P về việc đòi chị P trả lại số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng do chị P không giao đất trừ nợ theo “Giấy thỏa thuận” ngày 29-4-2021 và 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng tiền chuyển nhượng thửa đất 330, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại: Khu phố 5, Phường 1, thành phố TN chị P chưa trả. Anh Trần Hoài P1 được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Hoài P1 về việc đòi chị Võ Thị Ngọc P trả lại số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng theo “Giấy cam kết” không ghi ngày tháng năm, chị P ký tên nhận.

3. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 10/2023/DS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc P đối với anh Trần Hoài P1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc anh Trần Hoài P1 phải trả cho chị Võ Thị Ngọc P tiền vay theo “Giấy nợ” ghi ngày 29-4-2021, gồm: 235.000.000 đồng nợ gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trần Hoài P1 đối chị Võ Thị Ngọc P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc chị Võ Thị Ngọc P phải trả cho anh Trần Hoài P1 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng tiền vay theo “Giấy cam kết” không ghi ngày tháng năm, chị P ký tên nhận.

- Khấu trừ nghĩa vụ giữa chị Võ Thị Ngọc P và anh Trần Hoài P1, số tiền còn lại anh P1 phải trả cho chị P là: 250.000.000 đồng - 200.000.000 đồng = 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P1 chưa giao trả đủ số tiền 50.000.000 đồng nêu trên thì hàng tháng anh P1 còn phải trả cho chị P tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Ghi nhận chị Võ Thị Ngọc P, anh Trần Hoài P1 không yêu cầu chị Kiều Thị Thúy D1 liên đới trả nợ với anh Trần Hoài P1; ghi nhận chị Kiều Thị Thúy D1 không tranh chấp, không yêu cầu gì về tiền vay giữa anh Trần Hoài P1 và chị Võ Thị Ngọc P.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Chị Võ Thị Ngọc P phải chịu 10.000.000 đồng, được trừ vào 6.070.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0000910 ngày 13-4-2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Số tiền còn lại phải nộp là 3.930.000 (ba triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng.

+ Anh Trần Hoài P1 phải chịu 90.500.000 đồng (12.500.000 đồng + 78.000.000 đồng), được trừ vào 41.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0001216 ngày 22-7-2022 và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0001790 ngày 01-3-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Số tiền còn lại phải nộp là 49.200.000 (bốn mươi chín triệu hai trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí phúc thẩm: Anh Trần Hoài P1 không phải chịu.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TP. Tây Ninh;
- Chi cục THADS TP. Tây Ninh ;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Thị Đồng

